

KIẾN THỨC, NHẬN THỨC VỀ THIÊN TAI VÀ PHÒNG NGỪA THIÊN TAI CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC KHU VỰC MIỀN TRUNG, TÂY NGUYÊN

Vũ Đình Bầy¹,
Nguyễn Thị Hiền²⁺,
Đình Thị Hồng Vân²

¹Trường Cán bộ Quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh;
²Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
+ Tác giả liên hệ • Email: nthien.dhsp@hueuni.edu.vn

Article history

Received: 23/5/2023

Accepted: 15/6/2023

Published: 05/9/2023

Keywords

Natural disasters, prevention,
high school students,
knowledge, awareness

ABSTRACT

Natural disasters affect every community locally and worldwide, in which children are considered the most vulnerable to the impacts of disasters. Therefore, appropriate disaster prevention education for school students in the affected areas is very important. This study was conducted to assess the current status of knowledge and awareness of high school students in the Central and Central Highlands regions of Vietnam about natural disasters and disaster prevention. The research results show that the students' knowledge and awareness about disaster prevention was above average, but not as expected; female students had higher awareness and understanding than male students; junior high school students had better knowledge and awareness than high school students; High school students in the Central region had better knowledge and awareness than those in the Central Highlands. The research results are the basis for proposing disaster prevention education measures for high school students in localities with frequent natural disasters.

1. Mở đầu

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động KT-XH (Quốc hội, 2020). Thiên tai luôn tồn tại song hành với lịch sử phát triển và tác động đến đời sống con người. Những năm gần đây, thiên tai ngày càng gia tăng do ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên và các hoạt động dân sinh, làm biến đổi khí hậu, gia tăng cường độ, tần suất và mức độ dị thường của thiên tai, gây thiệt hại đến tính mạng và tài sản của người dân.

Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam châu Á, ven biển Thái Bình Dương với 3 mặt giáp biển, lãnh thổ kéo dài hình chữ S, hẹp về chiều ngang, đồi núi chiếm đến $\frac{3}{4}$ diện tích đất liền. Do vị trí địa lý và đặc điểm tự nhiên, Việt Nam thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai và biến đổi khí hậu. Theo Báo cáo về chỉ số rủi ro toàn cầu 2020, Việt Nam xếp thứ 6 trên thế giới về mức độ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của thiên tai giai đoạn 1999-2018 (Eckstein et al., 2019).

Theo thống kê của Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương Việt Nam về phòng chống thiên tai (Tổng cục Phòng chống thiên tai Việt Nam, 2020), chỉ tính riêng trong 20 năm trở lại đây ở Việt Nam, các loại thiên tai như bão, lũ, lở đất... đã khiến hơn 13.000 người thiệt mạng, thiệt hại tài sản trên 6,4 tỷ USD, khoảng 60% diện tích đất và hơn 70% dân số đứng trước rủi ro hứng chịu thảm họa từ thiên tai. Mỗi năm trung bình thiên tai làm gần 400 người chết và mất tích, thiệt hại về kinh tế khoảng 1-1,5% GDP và đang có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Ngoài ra, thiên tai còn tác động đến môi trường, các hoạt động KT-XH, an ninh quốc phòng, đồng thời ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đất nước. Khu vực miền Trung và Tây Nguyên với 19 tỉnh, thành phố là hai khu vực có địa hình phức tạp. Miền Trung có đường bờ biển dài trên 1.900 km, còn Tây Nguyên có hệ thống sông, suối dày đặc, ngắn, dốc với trên 740 sông. Hai khu vực này là nơi chịu ảnh hưởng của hầu hết các loại thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam nhưng với tần suất cao hơn và tác động nặng nề hơn so với các khu vực khác (Japanese International Cooperation Association, 2018).

Thiên tai làm tổn hại đến mọi cộng đồng dân cư của từng địa phương và trên toàn thế giới, trong đó trẻ em (theo Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền Trẻ em là những người từ 18 tuổi trở xuống) được xem là đối tượng dễ bị tổn thương hàng đầu do tác động của thiên tai. Năm 2021, Việt Nam có 17,9 triệu HS phổ thông (9,2 triệu HS tiểu học; 5,9 triệu HS THCS; 2,8 triệu HS THPT), chiếm khoảng 18,2% dân số Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2021) đã chịu tác động nặng nề của các loại thiên tai ở nhiều mức độ khác nhau. Trong một báo cáo của Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam, chỉ trong tháng 10/2020, miền Trung Việt Nam đã đón 3 cơn bão nhiệt đới lớn, gây ra lũ

lực nghiêm trọng và sạt lở đất khiến ít nhất 174 người thiệt mạng, hàng triệu người phải di dời và khoảng 2,5 triệu trẻ em bị tác động trực tiếp bởi thiên tai này (UNICEF Việt Nam, 2020). Do đó, phòng ngừa thiên tai cho trẻ em là việc làm cần thiết để giảm nhẹ rủi ro và thiệt hại do thiên tai gây ra.

“Phòng ngừa thiên tai” được hiểu là những biện pháp hoặc hành động được thực hiện để loại bỏ các nguyên nhân gốc rễ khiến con người dễ bị tổn thương khi thiên tai xảy ra (Sena, 2006). HS trung học ở Việt Nam là đối tượng chịu rủi ro đặc biệt trong các thiên tai nhưng các em không phải là những nạn nhân thụ động mà HS có thể tham gia vào các hoạt động phòng ngừa thiên tai tại gia đình, trường học và cộng đồng để giảm thiểu một số rủi ro mà các em phải đối mặt.

Nhiều nghiên cứu và bằng chứng cho thấy, có thể ngăn ngừa, giảm nhẹ được các thương tích và thiệt hại bằng các biện pháp khác nhau, trong đó có giáo dục. Giáo dục phòng ngừa thiên tai cho HS trung học nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng, tạo động lực cho HS thực hiện các hành động nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương của họ trước và trong thiên tai. Thậm chí, giáo dục thiên tai cho HS còn tạo ra những hành động hiệu quả cho những người khác và cho cộng đồng (Rohrmann, 2008). Để giáo dục phòng ngừa thiên tai hiệu quả cho HS trung học, cần thiết phải hiểu rõ thực trạng kiến thức, nhận thức, kỹ năng của HS về vấn đề này để thấy được những điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân của vấn đề, từ đó đề xuất những mô hình giáo dục phù hợp. Trên thế giới đã có một số nghiên cứu về HS trung học đối với vấn đề phòng ngừa thiên tai ở Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc, Indônêxia, Myanmar, Thái Lan, Hoa Kỳ... Tuy nhiên, ở Việt Nam, đặc biệt là đối với khu vực miền Trung và Tây Nguyên, những nghiên cứu về vấn đề phòng ngừa thiên tai đối với HS trung học vẫn còn rất nhiều “khoảng trống”, cần được nghiên cứu và thực hiện.

Nghiên cứu của chúng tôi nhằm trả lời câu hỏi: “*HS trung học ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên có kiến thức và nhận thức như thế nào đối với vấn đề phòng ngừa thiên tai?*”. Kết quả nghiên cứu chính là cơ sở để đề xuất biện pháp giáo dục phòng ngừa thiên tai phù hợp cho HS trung học ở những khu vực này.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát về khảo sát

- *Mẫu khảo sát*: Bao gồm 1.387 HS trung học từ 7 tỉnh thành ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên, cụ thể là: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai. Đây là những tỉnh thành chịu ảnh hưởng của thiên tai (bão, lũ lụt, lở đất, hạn hán...) nhiều nhất Việt Nam. Chúng tôi đã xin phép các Sở, Phòng GD-ĐT, hiệu trưởng các trường trung học của các địa phương nói trên. Sau khi được đồng ý và cho phép, chúng tôi đã gửi link phiếu khảo sát trên Google Forms đến các HS trong khoảng thời gian từ tháng 9-12/2021. Kết quả thu được 1.387 phiếu phản hồi hợp lệ từ HS các trường trung học.

Bảng 1. Đặc điểm mẫu khảo sát HS trung học ở miền Trung và Tây Nguyên

| | Tham số | Số lượng (HS) | Tỉ lệ (%) |
|-------------|------------|---------------|-----------|
| Giới tính | Nam | 563 | 40.6 |
| | Nữ | 824 | 59.4 |
| Cấp học | THCS | 405 | 29.2 |
| | THPT | 982 | 70.8 |
| Tỉnh/ thành | Tây Nguyên | 866 | 62.4 |
| | Miền Trung | 521 | 37.6 |

Mặc dù tỉ lệ HS theo giới tính, theo cấp học và theo khu vực chưa cân đối, nhưng mỗi nhóm đều có số lượng mẫu khá lớn và dữ liệu thu về ở mỗi thang đo đều được kiểm định phân phối chuẩn để đảm bảo điều kiện thực hiện các phép thống kê.

- *Phương pháp khảo sát*: + Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu: Căn cứ vào đối tượng, mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu chúng tôi đã tiến hành thu thập, phân loại, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá các tài liệu liên quan để làm cơ sở lý luận cho vấn đề nghiên cứu; + Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi: Bảng hỏi được chúng tôi xây dựng theo thang Likert 5 mức độ với 28 biến quan sát về kiến thức và nhận thức của HS đối với vấn đề phòng ngừa thiên tai. Thang đo Likert 5 mức độ đã được sử dụng để HS lựa chọn, gồm: 1. Hoàn toàn không đồng ý, 2. Không đồng ý, 3. Phân vân, 4. Đồng ý, 5. Hoàn toàn đồng ý.

Bảng hỏi đã được lấy ý kiến của 4 chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực Giáo dục học và Địa lý trước khi tiến hành khảo sát rộng rãi. Theo ý kiến đánh giá của các chuyên gia, các nội dung của bảng hỏi là khá phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu, kỹ thuật thiết kế phiếu hỏi khá tốt. Độ tin cậy (Hệ số Cronbach's Alpha) của thang đo kiến thức về phòng ngừa thiên tai đạt 0.92 và thang đo nhận thức của HS về phòng ngừa thiên tai đạt 0.97 cho thấy các câu hỏi đạt độ tin cậy tốt, có thể thu thập thông tin về vấn đề nghiên cứu một cách khách quan.

Phương pháp xử lý thông tin: Chúng tôi sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để đánh giá mức độ tin cậy của thang đo, điểm trung bình (ĐTB) ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), độ lệch chuẩn (ĐLC), phân tích so sánh để phân tích thống kê số liệu thu thập được từ quá trình khảo sát bằng bảng hỏi.

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Kiến thức của học sinh trung học về thiên tai và phòng ngừa thiên tai

Kiến thức là những dữ liệu, thông tin mà mỗi người có được nhờ trải nghiệm, giáo dục và tích lũy của bản thân. Kiến thức đóng một vai trò rất quan trọng trong phòng ngừa thiên tai, giúp con người thích ứng và xử lý được những tình huống thiên tai xảy ra một cách cách hợp lý và hiệu quả (Seneviratne et al., 2010).

Kiến thức liên quan đến thiên tai và phòng ngừa thiên tai rất phong phú, đa dạng và ngày càng được cập nhật theo thời gian. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ đề cập đến những kiến thức cơ bản có liên quan đến vấn đề thiên tai mà HS cần phải biết như: khái niệm, nguyên nhân, thực trạng thiên tai tại Việt Nam, những thiên tai phổ biến tại địa phương, tác động và hậu quả do thiên tai mang lại, đối tượng chịu tổn thương bởi thiên tai, trách nhiệm của các cá nhân và cộng đồng trong phòng ngừa thiên tai...

Bảng 2. Kiến thức của HS về thiên tai và phòng ngừa thiên tai

| STT | Nội dung | ĐTB | ĐLC |
|-------------|---|-------------|--------------|
| 1 | Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động KT-XH. | 3.82 | 1.056 |
| 2 | Sự gia tăng về cường độ, tần suất và mức độ dị thường của các loại thiên tai hiện nay là do tự nhiên kết hợp với các hoạt động của con người làm khí hậu biến đổi | 3.67 | 1.104 |
| 3 | Một số thiên tai có thể dự đoán thời gian, cường độ và tần suất xuất hiện | 3.49 | 0.990 |
| 4 | Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tác động nặng nề của thiên tai và biến đổi khí hậu | 3.45 | 1.002 |
| 5 | Bão và lũ lụt là thiên tai phổ biến ở nhiều địa phương Việt Nam | 3.57 | 0.985 |
| 6 | Hầu hết các loại thiên tai đều gây thiệt hại lớn về người, tài sản, môi trường, các hoạt động KT-XH | 3.70 | 1.052 |
| 7 | Người già và trẻ em là đối tượng chịu tổn thương ở mức độ cao khi xảy ra thiên tai | 3.38 | 1.065 |
| 8 | Con người có thể ngăn chặn, triệt tiêu được thiên tai | 3.25 | 1.080 |
| 9 | Thiên tai xảy ra ngoài ý muốn của con người nhưng con người có thể góp phần phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra | 3.73 | 1.041 |
| 10 | Phòng ngừa thiên tai là trách nhiệm thuộc về tất cả mọi người bao gồm cả các cơ quan nhà nước và các tầng lớp nhân dân, trong đó có HS | 3.78 | 1.098 |
| Tổng | | 3.58 | 0.735 |

Trong 10 nội dung kiến thức về thiên tai và phòng ngừa thiên tai mà chúng tôi đưa ra, có 9 nội dung là những kiến thức đúng, chỉ có nội dung số 8 “Con người có thể ngăn chặn, triệt tiêu được thiên tai” là kiến thức chưa đúng. Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, ĐTB về kiến thức chỉ đạt 3.58, tức là trung gian giữa mức độ “Phân vân” và mức độ “Đồng ý”. Điều này cho thấy, hiểu biết cơ bản của HS trung học được khảo sát vẫn còn nằm ở mức trung bình, chưa tương xứng với sự kì vọng bởi giáo dục phòng ngừa thiên tai đã được Bộ GD-ĐT, các Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT, các trường phổ thông quan tâm thực hiện những năm qua ở các mức độ khác nhau.

Trong kết quả khảo sát thu được, những nội dung kiến thức cơ bản về khái niệm, nguyên nhân, tác động của thiên tai, trách nhiệm phòng ngừa thiên tai có ĐTB cao hơn, với nhiều HS lựa chọn “Đồng ý”. Tuy nhiên, trong một số nội dung về việc dự đoán thiên tai, thực trạng thiên tai ở Việt Nam, đối tượng chịu tổn thương ở mức độ cao bởi thiên tai thì có rất nhiều HS “Phân vân”, không biết rõ, không chắc chắn về những kiến thức này). Điều này đã cho thấy một khoảng trống cần phải được bù đắp, bởi chỉ khi hiểu rõ thực trạng thiên tai tại địa phương, đất nước, hiểu được rằng con người không thể không chế hoàn toàn được thiên tai, hiểu được mức độ tổn hại mà thiên tai gây ra cho bản thân mình và những người xung quanh thì HS mới có thái độ và hành động đúng đắn trong các hành động phòng ngừa thiên tai.

2.2.2. Nhận thức của học sinh trung học về phòng ngừa thiên tai

Nhận thức được xem là tiền đề để hình thành thái độ tích cực đối với môi trường của mỗi cá nhân. Nhận thức về phòng ngừa thiên tai chính là nhận thức về tầm quan trọng của các biện pháp phòng ngừa và sự chuẩn bị sẵn sàng có thể thu hẹp khoảng cách giữa hiểu biết và hành động trong phòng ngừa thiên tai (Kung & Chen, 2012).

Nhận thức về thiên tai không chỉ giới hạn ở việc hành động trong hoặc sau thiên tai mà còn bao gồm các biện pháp phòng ngừa cần thiết và chuẩn bị trước khi thiên tai xảy ra. Nếu như nhận thức về thiên tai được nâng cao thì các hành vi phòng chống thiên tai sẽ được phát triển, điều này sẽ giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra thiên tai (Dikmenli et al., 2018). Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng 18 nội dung phản ánh nhận thức về phòng ngừa thiên tai, bao gồm nhận thức về các hành động trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

Bảng 3. Nhận thức của HS về phòng ngừa thiên tai

| STT | Nội dung | ĐTB | ĐLC |
|-------------|--|-------------|--------------|
| 1 | Nên học và rèn luyện kỹ năng sơ cứu, xử lý các vết thương, bôi, cách tìm nơi trú ẩn an toàn, cách giữ nước sạch... | 3.84 | 1.069 |
| 2 | Cần thiết phải tổ chức các hoạt động diễn tập ứng phó với thiên tai cho các thành phần trong xã hội, trong đó có HS | 3.72 | 1.013 |
| 3 | Cần chủ động tâm lý và sẵn sàng ứng phó khi xảy ra thiên tai | 3.80 | 0.996 |
| 4 | Cần phối hợp với các thành viên trong gia đình lập kế hoạch ứng phó với thiên tai | 3.77 | 0.991 |
| 5 | Cần chằng chống nhà cửa và có phương án bảo vệ tài sản trước khi xảy ra thiên tai | 3.72 | 1.035 |
| 6 | Khi thiên tai sắp xảy ra, cần chuẩn bị lương thực và vật dụng thiết yếu, nước sạch, dụng cụ y tế,... đủ sử dụng ít nhất 7 ngày | 3.80 | 0.997 |
| 7 | Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo về thiên tai qua các phương tiện truyền thông | 3.83 | 1.020 |
| 8 | Cần làm theo các hướng dẫn ứng phó thiên tai của chính quyền địa phương thông qua các phương tiện truyền thông | 3.82 | 0.995 |
| 9 | Cần lưu giữ các số điện thoại và địa chỉ liên lạc trong trường hợp khẩn cấp | 3.81 | 1.018 |
| 10 | Cần tìm hiểu, nắm bắt các tuyến đường sơ tán khẩn cấp khi xảy ra thiên tai | 3.79 | 0.998 |
| 11 | Cần trú trong nhà hoặc khu vực kiên cố, an toàn khi thiên tai xảy ra | 3.75 | 1.030 |
| 12 | Cần rút các thiết bị điện ra khỏi ổ cắm khi thiên tai đang diễn ra | 3.75 | 1.057 |
| 13 | Cần cập nhật tình hình thiên tai qua các phương tiện truyền thông | 3.77 | 1.007 |
| 14 | Cần gọi ngay những số điện thoại cứu trợ khẩn cấp khi gặp nguy hiểm trong thiên tai | 3.83 | 1.011 |
| 15 | Cần gia đình sơ tán đến nơi an toàn khi cảm thấy tình trạng nguy hiểm trong thiên tai | 3.80 | 1.029 |
| 16 | Trong trường hợp lũ về, khi di chuyển, cần phải sử dụng áo phao hoặc các vật nổi khác | 3.83 | 1.008 |
| 17 | Cần chú trọng bảo vệ người già, yếu, trẻ em, người khuyết tật... khi xảy ra thiên tai | 3.83 | 1.009 |
| 18 | Tuyệt đối tuân thủ chỉ đạo của cơ quan chức năng, chính quyền địa phương nơi xảy ra thiên tai | 3.83 | 1.021 |
| Tổng | | 3.79 | 0.910 |

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy: HS đã nhận thức được tầm quan trọng của các biện pháp phòng ngừa thiên tai, tuy nhiên mức độ chưa thực sự cao với ĐTB về nhận thức là 3.79, tiệm cận mức độ “Đồng ý”. Nhận thức giữa các nội dung phòng ngừa thiên tai ít có sự khác biệt, trong đó nhận thức về vấn đề “*học và rèn luyện kỹ năng sơ cứu, xử lý các vết thương, bôi, cách tìm nơi trú ẩn an toàn, cách giữ nước sạch...*” là cao nhất với ĐTB là 3.84, nhận thức về vấn đề “*tổ chức các hoạt động diễn tập ứng phó thiên tai*” và “*cần chằng chống nhà cửa, có phương án bảo vệ tài sản trước khi thiên tai xảy ra*” là thấp nhất với ĐTB là 3.72.

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, cần thiết phải có những biện pháp giáo dục để nâng cao nhận thức cho HS trung học. Nhận thức sẽ trở thành kim chỉ nam cho hành động, chỉ khi HS nhận thức đúng đắn về sự cần thiết phải thực hiện các hoạt động phòng ngừa thiên tai thì HS mới xây dựng được cho mình sự quan tâm và động lực để thực hiện.

2.2.3. Sự khác biệt về kiến thức và nhận thức theo giới tính, cấp học, địa bàn

Nghiên cứu đã sử dụng phân tích tương quan nhị biến và phân tích so sánh trong phần mềm SPSS 22.0 để xem xét sự khác biệt về kiến thức và nhận thức phòng ngừa thiên tai của những HS trung học được khảo sát theo giới tính, theo khối lớp và theo khu vực sinh sống.

- *Xét theo giới tính*: Kết quả phân tích theo lát cắt giới tính cho thấy, HS nữ có hiểu biết và nhận thức về phòng ngừa thiên tai cao hơn so với HS nam. Kết quả cụ thể được thể hiện qua bảng 4.

Kết quả này đồng nhất với một số nghiên cứu trước đây cho rằng nhận thức, kiến thức và thái độ của phụ nữ đối với thiên tai cao hơn nam giới do phụ nữ nằm trong nhóm dễ bị tổn thương khi thiên tai xảy ra. Sự khác biệt về đặc điểm tâm - sinh lý cũng như tính dễ bị tổn thương khiến phụ nữ dễ lo lắng và đánh giá cao tầm quan trọng của việc chuẩn bị phòng ngừa và ứng phó với thiên tai hơn so với nam giới (Villarreal & Meyer, 2020). Như vậy, trong giáo

dục phòng ngừa thiên tai cho HS, cần quan tâm đến vấn đề giới để có những hoạt động giáo dục phù hợp.

Bảng 4. Kiến thức và nhận thức về phòng ngừa thiên tai của HS theo giới tính

| STT | Nội dung | Nam (n=563) | | Nữ (n=824) | | df | t |
|-----|-----------------------------------|-------------|-------|------------|-------|------|-----------|
| | | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | | |
| 1 | Kiến thức về phòng ngừa thiên tai | 3.51 | 0.783 | 3.64 | 0.697 | 1387 | -3.206** |
| 2 | Nhận thức về phòng ngừa thiên tai | 3.67 | 0.993 | 3.88 | 0.840 | 1387 | -4.044*** |

Chú thích: df: phân bậc tự do; t: kết quả kiểm định t 2 mẫu độc lập

- Xét theo khối lớp: Đối với cấp THCS, nghiên cứu lựa chọn HS lớp 8 và lớp 9 để thực hiện khảo sát, còn cấp THPT thì khảo sát được thực hiện ở cả HS của 3 khối lớp 10, 11 và 12. Kết quả phân tích theo lát cắt khối lớp cho thấy: HS ở khối THCS có kiến thức và nhận thức về phòng ngừa thiên tai cao hơn HS khối THPT (bảng 5). Tuy nhiên, do số lượng mẫu có sự khác biệt đáng kể khi số lượng HS THPT tham gia khảo sát lớn gấp hơn 2,4 lần so với số lượng HS THCS, cho nên kết quả này có thể chưa mang tính đại diện.

Bảng 5. Kiến thức và nhận thức về phòng ngừa thiên tai của HS theo khối lớp

| STT | Nội dung | THCS (n=405) | | THPT (n=982) | | df | t |
|-----|-----------------------------------|--------------|-------|--------------|-------|------|----------|
| | | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | | |
| 1 | Kiến thức về phòng ngừa thiên tai | 3.71 | 0.670 | 3.53 | 0.754 | 1387 | 4.505*** |
| 2 | Nhận thức về phòng ngừa thiên tai | 3.93 | 0.872 | 3.74 | 0.921 | 1387 | 3.545*** |

Chú thích: df: phân bậc tự do; t: kết quả kiểm định t 2 mẫu độc lập

Chưa có nghiên cứu nào chỉ ra sự khác biệt về nhận thức và kiến thức phòng ngừa thiên tai giữa HS THCS và THPT. Kết quả này có thể được lý giải theo hướng: cấp THPT là cấp học mà HS chú trọng cao về định hướng nghề nghiệp, HS sẽ quan tâm nhiều hơn đến các môn học và hoạt động liên quan đến sự định hướng nghề nghiệp tương lai so với các hoạt động giáo dục khác (trong đó có giáo dục phòng ngừa thiên tai). Đây là một khía cạnh cần được chú trọng khi giáo dục phòng ngừa thiên tai cho HS THPT bởi đây là lứa tuổi có sự trưởng thành nhất định về mặt tâm lý và thể chất, có thể phối hợp và tham gia có hiệu quả vào công tác phòng ngừa thiên tai tại nhà trường, gia đình, địa phương. Cần tích hợp, lồng ghép giáo dục phòng ngừa thiên tai một cách tự nhiên, phù hợp vào các bài học và hoạt động trải nghiệm mà không gây áp lực về thời gian và nội dung cho HS. Mục tiêu cuối cùng cần đảm bảo sự phát triển toàn diện cho HS, trong đó bao gồm cả giáo dục kiến thức phổ thông, giáo dục hướng nghiệp và giáo dục phòng ngừa thiên tai.

- Xét theo địa bàn: Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có sự khác biệt về kết quả theo địa bàn khảo sát, HS trung học ở khu vực miền Trung có kiến thức và nhận thức về phòng ngừa thiên tai cao hơn so với khu vực Tây Nguyên (bảng 6).

Bảng 6. Kiến thức và nhận thức về phòng ngừa thiên tai của HS theo khu vực

| STT | Nội dung | Tây Nguyên (n=866) | | Miền Trung (n=521) | | df | t |
|-----|-----------------------------------|--------------------|-------|--------------------|-------|------|-----------|
| | | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | | |
| 1 | Kiến thức về phòng ngừa thiên tai | 3.52 | 0.724 | 3.69 | 0.743 | 1387 | -4.285*** |
| 2 | Nhận thức về phòng ngừa thiên tai | 3.70 | 0.900 | 3.96 | 0.906 | 1387 | -5.192*** |

Chú thích: df: phân bậc tự do; t: kết quả kiểm định t 2 mẫu độc lập

Kết quả này có thể được lý giải theo hướng: khu vực miền Trung là nơi chịu tác động của thiên tai thường xuyên và nghiêm trọng nhất cả nước, HS ở khu vực này đã có nhiều trải nghiệm thực tế về thiên tai và hậu quả do thiên tai mang lại. Mặt khác, nhiều trường THCS và THPT ở miền Trung cũng đã chú trọng tăng cường các hoạt động giáo dục phòng ngừa thiên tai. Do đó kiến thức và nhận thức về phòng ngừa thiên tai của HS khu vực miền Trung cũng cao hơn so với khu vực Tây Nguyên.

3. Kết luận

Trong cuộc chiến chống lại tình trạng biến đổi khí hậu và sự khốc liệt của thiên tai hiện nay ở Việt Nam, HS trung học chính là một lực lượng rất quan trọng. Chú trọng giáo dục phòng ngừa thiên tai cho HS là một chiến lược lâu dài và hiệu quả mà mỗi quốc gia, địa phương cần thực hiện. Những phát hiện trong nghiên cứu này nhấn mạnh rằng, kiến thức và mức độ nhận thức của HS trung học ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên về vấn đề phòng ngừa thiên tai vẫn còn ở mức độ trung bình, chưa cao như kì vọng. Đồng thời có sự khác biệt đáng kể về mặt nhân khẩu học khi HS nữ có hiểu biết và nhận thức cao hơn HS nam, HS THCS có hiểu biết và nhận thức cao hơn HS THPT, HS khu vực miền Trung có kiến thức và nhận thức cao hơn HS khu vực Tây Nguyên. Kết quả khảo sát là cơ sở để

nghiên cứu xây dựng mô hình giáo dục phòng ngừa thiên tai phù hợp, trong đó thể hiện rõ mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, đối tượng giáo dục, lực lượng giáo dục, tài liệu và phương tiện thiết bị giáo dục... Mặt khác, mô hình giáo dục phòng ngừa thiên tai cũng cần có sự linh hoạt, phân hoá để phù hợp với đặc điểm vùng miền, giới tính và độ tuổi.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được tài trợ bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đề tài “Nghiên cứu đề xuất mô hình giáo dục phòng ngừa thiên tai cho học sinh trung học”, mã số: B2021-HQG-02.

Tài liệu tham khảo

- Dikmenli, Y., Yakar, H., & Konca, A. S. (2018). Development of disaster awareness scale: A validity and reliability study. *Review of International Geographical Education Online*, 8(2), 206-220.
- Eckstein, D., Künzel, V., Schäfer, L., & Wings, M. (2019). *Global climate risk index 2020*. Bonn: Germanwatch.
- Japanese International Cooperation Association (JICA) (2018). *Survey to Collect Data to Develop Disaster Risk Reduction Strategy in Vietnam*. <https://openjicareport.jica.go.jp/pdf/12323879.pdf>
- Kung, Y. W., & Chen, S. H. (2012). Perception of Earthquake Risk in Taiwan: Effects of Gender and Past Earthquake Experience. *Risk Analysis*, 32(9), 1535-1546. <https://doi.org/10.1111/j.1539-6924.2011.01760.x>
- Quốc hội (2020). *Luật Phòng chống thiên tai*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Rohrmann, B. (2008). Risk perception, risk attitude, risk communication, risk management: A conceptual appraisal. *15th International Emergency Management Society (TIEMS) Annual Conference, June(February)*, 1-10. <http://www.rohrmannresearch.net>.
- Sena, L. (2006). Disaster Prevention and Preparedness. *Ethiopia Public Health Training Initiative*, 1(November), 1-180.
- Seneviratne, K., Baldry, D., & Pathirage, C. (2010). Disaster knowledge factors in managing disasters successfully. *International Journal of Strategic Property Management*, 14(4), 376-390. <https://doi.org/10.3846/ijspm.2010.28>
- Tổng cục Phòng chống thiên tai Việt Nam (2020). *Tổng hợp thiệt hại thiên tai và công tác khắc phục hậu quả, nhu cầu hỗ trợ năm 2020*. <https://phongchongthientai.mard.gov.vn/Pages/tong-hop-thiet-hai-thien-tai-va-cong-tac-khac-phuc-hau-qua-nhu-cau-ho-tro-nam-2020-tinh-den-ngay-21-12-2020-.aspx>
- Tổng cục Thống kê (2021). *Niên giám thống kê năm 2021*. NXB Thống kê. <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2022/08/Sach-Nien-giam-TK-2021-1.pdf>
- UNICEF Việt Nam (2020). *2,5 triệu trẻ em bị ảnh hưởng khi nhiều đợt thiên tai tấn công Việt Nam*. <https://www.unicef.org/vietnam/stories/25-million-children-affected-multiple-natural-disasters-strike-vietnam>
- Villarreal, M., & Meyer, M. A. (2020). Women’s experiences across disasters: a study of two towns in Texas, United States. *Disasters*, 44(2), 285-306. <https://doi.org/10.1111/disa.12375>